

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Lê Thị Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 29/3/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị L, sinh năm 2000 – Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Đậu Đức C, sinh năm 1988 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị L trình bày: Chị và anh Đậu Đức C kết hôn ngày 13/02/2019, đăng ký tại UBND xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Anh C thường xúc phạm chị, không quan tâm đến gia đình, con cái. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh C nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2020, anh C đi chấp hành án phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên chị và hai con về nhà bố mẹ để sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh Đậu Đức C có 02 con chung là Đậu Thị Ngọc N, sinh ngày 09/11/2017 và Đậu Đức T, sinh ngày 30/11/2019. Vợ chồng không có con

nuôi, không có con riêng. Nay ly hôn với anh C, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Đậu Đức T và Đậu Thị Ngọc N. Chị yêu cầu anh Đậu Đức C phải cấp dưỡng nuôi hai con, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đậu Đức C trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Cao Thị L đăng ký kết hôn ngày 13/02/2019 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do chị L có những lời lẽ xúc phạm, hỗn láo đối với anh. Hai vợ chồng có xảy ra xô xát, trong lúc nóng giận anh có tát chị L và chị L có đánh lại anh. Từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2020, anh đi chấp hành án phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại trại giam. Trong thời gian anh đi tù, chị L đã tự ý đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm, hỏi han anh và gia đình bên nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh và gia đình bên nội vẫn chu cấp tiền hàng tháng cho chị L để nuôi con. Nay, chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Đậu Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 09/11/2017 và Đậu Đức Tài, sinh ngày 30/11/2019. Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng. Nếu phải ly hôn thì anh đề nghị giao cả hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L với mức 1.000.000đồng/tháng/con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q: Chị Cao Thị L và anh Đậu Đức C đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Văn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ vì chị L và anh C không làm đơn yêu cầu địa pL hòa giải tại cơ sở. Chị L và anh C đều là lao động tự do, thu nhập như thế nào địa pL không nắm rõ. Nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Về tình cảm: Cho chị Cao Thị L được ly hôn anh Đậu Đức C.

+ Về con chung: Giao con chung là Đậu Thị Ngọc N, sinh ngày 09/11/2017 và Đậu Đức T, sinh ngày 30/11/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hai con mỗi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nhi và cháu Tài đủ 18 tuổi trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định của Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị L.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Đậu Đức C đã được tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và giấy báo phen toà hợp lệ lần thứ 2, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Đậu Đức C.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị L và anh Đậu Đức C là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn. Qua quá trình xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, có những lời nói xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải khuyên bàn cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị L, cho chị được ly hôn với anh Đậu Đức C.

[4] Về con chung: Chị L và anh C có hai con chung là Đậu Thị Ngọc N, sinh ngày 09/11/2017 và Đậu Đức T, sinh ngày 30/11/2019. Hiện nay hai con đang sống với chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tài, Nhi và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Xét thấy, nghĩa vụ nuôi con là trách nhiệm của bố mẹ. Hiện nay hai cháu đang nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, đồng thời anh C có nguyện vọng giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con. Tại phiên toà anh C vắng mặt nên không có ý kiến về việc có xin được nuôi con hay không. Vì vậy, cần giao cháu Đậu Thị Ngọc Nhi và Đậu Đức Tài cho chị Cao Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh Đậu Đức C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

[5] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Cao Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đậu Đức C phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 147, 227 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị L được ly hôn anh Đậu Đức C.

2. Về con chung: Giao con chung là Đậu Thị Ngọc N, sinh ngày 09/11/2017 và Đậu Đức T, sinh ngày 30/11/2019 cho chị Cao Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Buộc anh Đậu Đức C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung, mỗi con

1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi cháu Nhi và cháu Tài đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cao Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003932 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Anh Đậu Đức C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh